TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/10/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Lê Văn Được
2.Bà Thạch Thị Yến Linh
- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc K, sinh năm 1985.Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt
Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc K trình bày và yêu cầu như sau:

+ *Về hôn nhân*: Vào năm 2005 chị K và anh T xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đi nhậu, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến chị K và con nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm vì vậy chị K yêu cầu ly hôn với với anh T.

+ *Về con chung*: Có hai con chung tên Trương Thái T sinh ngày 15/02/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 11/4/2013 hiện tại chị K đang nuôi dưỡng, chị K yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt nên không có lời khai:*

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K, con chung tên Trương Thái T sinh ngày 15/02/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 11/4/2013 hiện tại chị K đang nuôi dưỡng, chấp nhận cho chị K được tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu nên không xem xét.Về tài sản chung, nợ chung, chị K không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét. Chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Tranh chấp giữa chị K và anh T là tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn anh T đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

[2] *Về hôn nhân*: Chị K và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/6/2005 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị K và anh T hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị K xin ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, bởi vì Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc gia đình nhưng anh T không đến, chứng minh rằng anh T không quan tâm đến vợ con, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng; tại phiên tòa chị K trình bày từ sau khi kết hôn anh T không lo làm ăn mà thường xuyên đi ăn nhậu, cha mẹ chồng và chị có khuyên nhiều lần, nhưng anh T vẫn không sửa đổi, nay chị K cương quyết xin ly hôn với anh T; nhận thấy cuộc sống vợ chồng kéo dài không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị K ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Trương Thái T sinh ngày 15/02/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 11/4/2013, chị K đang nuôi dưỡng, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi

theo nguyện vọng của các con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4]*Về tài sản chung*: Chị K không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[5]*Về nợ chung*: Chị K không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Ngọc K được ly hôn anh Trương Văn T.

- *Về con chung:* Giao con tên Trương Thái T sinh ngày 15/02/2006, Trương Ngọc H sinh ngày 11/4/2013 cho chị K trực tiếp nuôi đưỡng. Chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

-*Về tài sản chung*: Chị K không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

-*Về nợ chung*: Chị K không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002304 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị K đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Tranh